

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-PT

Ngày: 18-6-2020

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, về việc “*Tranh chấp thừa kế*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXPT-DS ngày 26/02/2020, Thông báo số 04/TB-TA ngày 10/3/2020, Thông báo số 34/TB-TA ngày 08/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐ-PT ngày 26/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1955

Địa chỉ cư trú: khu phố T, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thanh H – Luật sư Văn phòng luật sư AH thuộc Đoàn luật sư tỉnh BT.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1968

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy ngày 20/5/2020).

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố T, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: khu phố N, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT.

2. Bà Phạm Thị Kim Y, sinh năm 1971

3. Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1956

4. Anh Phạm Thành T, sinh năm 1982

5. Chị Phạm Thị Hoài T1, sinh năm 1985

6. Anh Phạm Hưng T, sinh năm 1992

7. Chị Phạm Thị Hoài T2, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố T, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Phạm Văn M.

Tại phiên tòa có mặt bà Phạm Thị M, bà Nguyễn Thị T và Luật sư Phan Thanh H; Vắng mặt bà Phạm Thị T3, Phạm Thị Y, Nguyễn Thị Kim Q, anh Phạm Thành T, chị Phạm Thị Hoài T1, anh Phạm Hưng T và chị Phạm Thị Hoài T2, trong đó bà T3, bà Y và bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà là ông Phạm Văn P (chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000) khi còn sống có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng 41.880m² đất tại khu phố T, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT. Trong tổng diện tích đất trên có 2.000m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích còn lại 39.880m² đất được UBND huyện Hàm Tân cấp giấy chứng nhận QSD đất số L 980... ngày 15/10/1998.

Cha mẹ bà có tất cả 9 người con, trong đó có 04 người chết từ khi còn nhỏ, những người này chết khi chưa có gia đình và chưa có khối tài sản này. Còn lại bà, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị Kim Y, ông Phạm Văn M và ông Phạm Hưng L. Ông Phạm Hưng L chết năm 2004, có vợ là bà Nguyễn Thị Q và các con là Phạm Thành T, Phạm Thị Hoài T1, Phạm Thị Hoài T2, Phạm Hưng T. Ngoài ra cha, mẹ bà không có con riêng.

Do cha, mẹ chết không để lại di chúc nên em của bà là ông Phạm Văn M không cho chị em bà canh tác trên diện tích đất của cha, mẹ. Vì vậy, bà yêu cầu chia thừa kế tất cả di sản do cha mẹ chết để lại nêu trên theo pháp luật, cụ thể chia

41.880m² đất thành 5 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng 8.376m², trong đó bà 01 phần, bà T3 01 phần, bà Y 01 phần, ông M 01 phần và gia đình ông Phạm Hưng L gồm có bà Q và các cháu Phạm Thành T, Phạm Thị Hoài T1, Phạm Thị Hoài T2, Phạm Hưng T 01 phần. Để thuận tiện trong canh tác, bà yêu cầu chia thửa 359, 360, 361 tờ bản đồ số 5 cho bà và bà T3, bà Y; chia các thửa 497, 498, 499 tờ bản đồ số 7 cho ông M và gia đình ông L; các thửa còn lại chia đều làm 5 phần bằng nhau.

Bị đơn ông Phạm Văn M trình bày: ông thống nhất với ý kiến của bà M về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế như bà M trình bày. Về di sản cha mẹ để lại ông cũng thống nhất cha mẹ để lại khối di sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L980... ngày 15/10/1998. Trong số các thửa đất được cấp này: thửa số 170, tờ bản đồ số 7 có diện tích 3.000m², cha mẹ khi còn sống đã chia cho ông L 1.000m², hiện chỉ còn lại 2.000m², tuy nhiên hiện nay ông cũng đồng ý chia hết 3.000m² cho 5 phần, gồm có ông, bà M, bà T3, bà Y và gia đình ông L; Thửa số 03, tờ bản đồ số 9 có diện tích 32.340m² ông yêu cầu được chia 12.000m², số diện tích đất còn lại chia đều thành 4 phần cho bà M, bà T3, bà Y và gia đình ông L; Các thửa 359 có diện tích 1.000m², thửa 360 có diện tích 800m², thửa 361 có diện tích 880m², ông đồng ý theo yêu cầu của bà M là chia cho bà M, bà T3 và bà Y3; Các thửa số 497, 498 và 499, tờ bản đồ số 7 ông đồng ý chia cho ông và gia đình ông L. Riêng diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không đồng ý chia vì ông cho rằng đây là đất riêng của ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Phạm Thị T3 và Phạm Thị Y trình bày:* Hai bà thống nhất với ý kiến của bà Phạm Thị M, hai bà đồng ý nhận phần di sản theo đề xuất chia của bà M. Đối với diện tích đất tại các thửa 359, 360, 361 tờ bản đồ số 5 hai bà nhận và đồng ý cho bà M để bà M sử dụng.

- *Bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Bà không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà M, tuy nhiên bà cho rằng trong toàn bộ diện tích đất bà M yêu cầu chia thừa kế có thửa 170 tờ bản đồ số 7, diện tích 3.000m² có 1.000m² là đất riêng của gia đình bà, do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng lại của ông Huỳnh L, ông L hiện nay đã chết. Sau khi nhận chuyển nhượng chưa có điều kiện làm thủ tục nên nhập chung vào đất của ông Phạm Văn P, nên ông P đứng tên. Do đó, bà không đồng ý chia 1.000m² tại thửa này. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

- *Chị Phạm Thị Hoài T1 trình bày:* Chị thống nhất ý kiến của mẹ chị là Nguyễn Thị Q, chị không đồng ý chia 1.000m² đất tại thửa số 170 tờ bản đồ số 7, ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

- *Anh Phạm Thành T trình bày:* Tài sản do ông Phạm Văn P và Trần Thị N chết để lại cho ông Phạm Văn M toàn quyền sử dụng. Nay bà M yêu cầu chia thừa kế, anh không đồng ý.

- *Đối với anh Phạm Hưng T và chị Phạm Thị Hoài T2:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa và không có ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật như sau:

1.1- Bà Phạm Thị M, Phạm Thị T3, Phạm Thị Kim Y được hưởng suất thừa kế gồm có 800m² đất BHK tại thửa 14, tờ bản đồ số 9, 1.000m² đất BHK tại thửa 15, 880m² đất BHK tại thửa 16, 1.655,7m² đất CLN tại thửa 17, 280,5m² đất LUK tại thửa 18 và 3.352m² đất CLN tại thửa 19. Tất cả các thửa đều nằm trong tờ bản đồ số 9.

Công nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị M, Phạm Thị T3 và Phạm Thị Kim Y với nội dung: bà Phạm Thị T3 và bà Phạm Thị Kim Y đồng ý cho bà Phạm Thị M toàn bộ diện tích đất được hưởng nêu trên.

Bà Phạm Thị M được nhận thừa kế 800m² đất BHK tại thửa 14, tờ bản đồ số 9, 1.000m² đất BHK tại thửa 15, 880m² đất BHK tại thửa 16, 1.655,7m² đất CLN tại thửa 17, 280,5m² đất LUK tại thửa 18 và 3.352m² đất CLN tại thửa 19. Tất cả các thửa đều nằm trong tờ bản đồ số 9.

Bà Phạm Thị M được nhận:

. 600m² đất ODT+ CLN trong đó có 40m² đất ở tại thửa 539 tờ bản đồ số 54.

. 424m² đất BHK tại thửa 543 tờ bản đồ số 54

. 8080m² đất CLN tại thửa số 9, tờ bản đồ số 7

(vị trí các thửa đất được hưởng kèm theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân số 53, số 04 và hai bản trích đo không số ngày 30/3/2018).

1.2- Bà Phạm Thị T3 được hưởng suất thừa kế gồm có:

. 600m² đất ODT+ CLN trong đó có 40m² đất ở tại thửa 540 tờ bản đồ số 54

- . 424m² đất BHK tại thửa 542 tờ bản đồ số 54
- . 8080m² đất CLN tại thửa số 10, tờ bản đồ số 7

(vị trí các thửa đất được hưởng kèm theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân số 53, số 04 và hai bản trích đo không số ngày 30/3/2018).

1.3- Bà Phạm Thị Kim Y được hưởng suất thừa kế gồm có:

- . 600m² đất ODT+ CLN trong đó có 40m² đất ở tại thửa 538 tờ bản đồ số 54
- . 424m² đất BHK tại thửa 544 tờ bản đồ số 54
- . 8080m² đất CLN tại thửa số 11, tờ bản đồ số 7

(vị trí các thửa đất được hưởng kèm theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân số 53, số 04 và hai bản trích đo không số ngày 30/3/2018).

1.4- ông Phạm Văn M được hưởng suất thừa kế gồm có:

- . 600m² đất ODT+ CLN trong đó có 40m² đất ở tại thửa 537 tờ bản đồ số 54
- . 424m² đất BHK tại thửa 545 tờ bản đồ số 54
- . 8080m² đất CLN tại thửa số 13, tờ bản đồ số 7
- . 1.254m² đất LUK tại thửa 16 và thửa 14 tờ bản đồ 10

(vị trí các thửa đất được hưởng kèm theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân số 53, số 04 và hai bản trích đo không số ngày 30/3/2018).

1.5- Bà Nguyễn Thị Q, Phạm Thành T, Phạm Thị Hoài T1, Phạm Hưng T, Phạm Thị Hoài T2 được hưởng suất thừa kế gồm có:

- . 600m² đất ODT+ CLN trong đó có 40m² đất ở tại thửa 541 tờ bản đồ số 54
- . 424m² đất BHK tại thửa 546 tờ bản đồ số 54
- . 8080m² đất CLN tại thửa số 12, tờ bản đồ số 7
- . 1440m² đất LUK tại các thửa 12,13,15 tờ bản đồ số 10

(vị trí các thửa đất được hưởng kèm theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân số 53, số 04 và hai bản trích đo không số ngày 30/3/2018).

2. Về lệ phí: Bà Phạm Thị T3, Phạm Thị Kim Y, ông Phạm Văn M mỗi người phải hoàn trả chi phí đo đạc cho bà Phạm Thị M là 4.739.000đồng và 700.000đồng về chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Thành T, Phạm Thị Hoài T1, Phạm Quang Thịnh, Phạm Thị Hoài T2 phải hoàn trả cho bà Phạm Thị M chi phí đo đạc là 4.739.000đồng và 700.000đồng về chi phí thẩm định, định giá tài sản .

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Q. Hoàn trả 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016478 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân cho bà Phạm Thị M.

Bà Phạm Thị T3 phải chịu 14.664.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim Y phải chịu 14.664.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn M phải chịu 21.270.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thành T, Phạm Thị Hoài T1, Phạm Hưng T, Phạm Thị Hoài T2 phải chịu 17.653.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2018, bị đơn – ông Phạm Văn M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: không đồng ý chia thửa đất có diện tích đất 2.120m² và đối với thửa đất có diện tích 40.400m² yêu cầu chia cho ông 12.000m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn M rút một phần kháng cáo đối với thửa đất có diện tích 40.400m², không yêu cầu chia cho ông Phạm Văn M 12.000m² trong thửa đất này; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với thửa đất có diện tích 2.120m², yêu cầu không chia thửa kể đối với thửa đất này, vì thửa đất này khi còn sống, cha mẹ ông M đã cho vợ chồng ông M và nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm Văn M, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút. Đối với kháng cáo liên quan đến thửa đất có diện tích 2.120m², đề nghị Hội đồng xét xử không xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998 là chứng cứ, vì quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Phạm Văn M đều khẳng định thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận, ông M không cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nay mới cung cấp tại giai đoạn xét xử

phức thẩm nhưng không có lý do khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn đối với thửa đất có diện tích 2.120m² này và y án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng:

1. Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo bị đơn Phạm Văn M rút kháng cáo đối với thửa đất có diện tích 40.400m², việc rút kháng cáo này là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 290 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

+ Về nội dung:

Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Phạm Văn M mới kháng cáo và cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998, nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa vợ, con ông Phạm Văn M vào tham gia tố tụng và chưa xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn; hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3, Phạm Thị Y, Nguyễn Thị Kim Q, anh Phạm Thành T, chị Phạm Thị Hoài T1, anh Phạm Hưng T và chị Phạm Thị Hoài T2, trong đó bà T3, bà Y và bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Thành T, chị T1, anh Thịnh và chị T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc rút một phần kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần kháng cáo đối với thửa đất có diện tích 40.400m², không yêu cầu chia cho bị đơn ông Phạm Văn M 12.000m² trong thửa đất này, chấp nhận chia như án sơ thẩm. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo

này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998); nay là các thửa số 542, 543, 544, 545 và 546 có diện tích đo đạc thực tế là 2.120m² (theo Mảnh chính lý trích lục địa chính số 53-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân đo vẽ năm 2018), quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự, kể cả UBND huyện Hàm Tân đều xác định thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ ông Phạm Văn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này.

[3.2] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[3.3] Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo đảm chế độ xét xử hai cấp đối với chứng cứ cũng như yêu cầu của đương sự, cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05 có diện tích đo đạc thực tế là 2.120m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998) và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, như ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05 có diện tích đo đạc thực tế là 2.120m² (trị giá 381.600.000đồng), nên cần sửa phần án phí sơ thẩm liên quan đến thửa đất này; Đối với án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn ông Phạm Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Nghĩa vụ chịu án phí đối với thửa đất số 229 được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 298, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M, về việc yêu cầu chia cho ông Phạm Văn M 12.000m² đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, có diện tích 32.340m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 980...); nay là các thửa đất số 9, 10, 11, 12, 13 có diện tích 40.400m² (theo Mảnh chính lý trích đo địa chính số 4-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân đo vẽ năm 2018).

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân quyết định đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, có diện tích 32.340m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 980...); nay là các thửa đất số 9, 10, 11, 12, 13 có diện tích 40.400m² (theo Mảnh chính lý trích đo địa chính số 4-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân đo vẽ năm 2018) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân quyết định đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 487... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho hộ ông Phạm Văn M ngày 15/10/1998); nay là các thửa số 542, 543, 544, 545 và 546 có diện tích 2.120m² (theo Mảnh chính lý trích lục địa chính số 53-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân đo vẽ năm 2018) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân giải quyết lại vụ án đối với thửa đất này theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Q. Hoàn trả 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016478 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân cho bà Phạm Thị M.

- Bà Phạm Thị T3 phải chịu 10.848.000đồng (*Mười triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Kim Y phải chịu 10.848.000đồng (*Mười triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Văn M phải chịu 17.772.500đồng (*Mười bảy triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phạm Thành T, chị Phạm Thị Hoài T1, anh Phạm Hưng Thịnh, chị Phạm Thị Hoài T2 phải chịu 15.014.000đồng (*Mười lăm triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nghĩa vụ chịu án phí đối phần tài sản bị hủy được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn M 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024424 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

5. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.Tân;
- VKSND huyện H.Tân;
- Chi cục THADS huyện H.Tân
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái